TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2023.
Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Rot Tha;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pholy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Đen E, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Tổ D, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ D, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang

(Tại phiên tòa, ông E có mặt; bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Lê Hoàng Đen E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2000, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, ngày 29/6/2010. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bởi ông đi làm ăn cũng có quen biết với người khác, nhưng bà T ghen tuông rồi gây cải, ông giải bày nhưng bà T không nghe, lại còn có những thay đổi về tình cảm, phai nhạt đối với ông, nên ông bỏ nhà và ly thân với bà T từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân ông cố tình hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông với bà T1 có 02 con chung: 1/ Lê Thị Mộng K, sinh ngày 14/6/2001; 2/ Lê Thị Kim L, sinh ngày 13/9/2012. Hiện Kiều đã trưởng thành và sống tự lập, ông không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu L trước đây do bà T nuôi, nhưng gần đây bà T đi làm giao lại ông, nên khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà T không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà T không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Phạm Thị Bích T để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông E bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông E – bà Thủy chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà T ghen tuông nên hai người mâu thuẫn và ly thân nhau, gia đình hàn gắn nhưng không thành, nên ông E xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: cháu Lê Thị Mộng K, đã trưởng thành và sống tự lập, ông E không yêu cầu, nên không xem xét; riêng cháu Lê Thị Kim L, đã trên 07 tuổi, ý nguyện của cháu tiếp tục chung sống với cha, đề nghị HĐXX chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông E khởi kiện ly hôn với bà T là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T có địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông E – bà T kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trễ hạn số 90 ngày 29/6/2010, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông E bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bất đồng quan điểm, bởi bà T ghen tuông rồi gây cải, ông giải bày nhưng bà T không nghe, lại còn có những thay đổi về tình cảm, phai nhạt đối với ông..

Qua trình bày của ông E, mặc dù bà T vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào ngày 27/10/2023 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa ông E – bà T đã mâu thuẫn từ 05 năm nay, do ông E và bà T cùng đi làm ăn và cả hai quen biết với người

khác, nên đã ly thân nhau, gia đình có hàn gắn nhưng không thành, khã năng hai người đoàn tự lại với nhau là hông thể…

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét trình bày của ông E là có cơ sở, mâu thuẫn giữa ông E – bà T đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông E.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Lê Thị Mộng K, đã trưởng thành và sống tự lập, ông E không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết; riêng cháu Lê Thị Kim L đã trên 07 tuổi, với ý nguyện tiếp tục chung sống với cha. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu L cho ông E tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho ông E biết: Trong thời gian nuôi con, ông E cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa ông E không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ông E khai ông với bà T không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà T vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này bà T có chứng cứ khác chứng minh có tài san chung, có nợ chung và bà T có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Ông Lê Hoàng Đen E là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng Đen E.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng Đ Em được ly hôn với bà Phạm Thị Bích T

Về quan hệ con chung: Ông Lê Hoàng Đen E với bà Phạm Thị Bích T có 02 con chung: Lê Thị Mộng K, sinh ngày 14/6/2001 đã trưởng thành và sống tự lập, ông E không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Lê Thị Kim L, sinh ngày 13/9/2012, ông E được tiếp tục nuôi.

Công nhận tự nguyện của ông E không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông E cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà ThủyUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Ông Lê Hoàng Đen E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010234 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*ông E nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/12/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ